

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số:05/2024/KDTM-PT

Ngày 23/9/2024

"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và hợp đồng thế chấp tài sản"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Lâm; Bà Quách Thị Phương Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Thanh Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số 04/2024/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản”;

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2024/QĐ-PT ngày 19/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐTP-KDTM ngày 06/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ2 (S); Địa chỉ: A, Trần Quang K, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T- Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình K1- Phó tổng giám đốc; Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Huy H - Giám đốc khu vực miền B 1 kiêm giám đốc Chi nhánh H3; Ông Đặng Văn H1 - Chuyên viên cao cấp xử lý nợ - Khối xử lý nợ; Ông Nguyễn Thành T1 – Chuyên viên cao cấp xử lý nợ - Khối xử lý nợ, địa chỉ: A T, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Tám H2, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khu dân cư N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương;

Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1980; Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Khu dân cư N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Đ2- Chi nhánh H3 cho chị Nguyễn Thị Tám H2 và anh Trần Văn Đ vay tiền theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 609/2016/HĐTD-TDH với hạn mức cho vay là 300.000.000đồng và giấy nhận nợ kèm theo, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 60 tháng, mục đích sử dụng vốn là bổ sung vốn lưu động. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, S đã giải ngân cho chị H2, anh Đ tổng số tiền là 300.000.000đồng thể hiện qua Khế ước nhận nợ như sau: Khế ước nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng số 609/2016/HĐTD-TDH: Số tiền giải ngân là 300.000.000đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 03/6/2016 đến ngày 03/6/2021, lãi suất vay 8,9%/năm/12 tháng đầu, lãi suất từ tháng thứ 13 trở đi = lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng của sp tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ + biên độ 4.6%, kỳ điều chỉnh bằng lãi cho vay vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý khi có sự thay đổi VNĐ kỳ hạn 13 tháng của sp tiết kiệm cuối kỳ + biên độ 4.6%, áp dụng theo quy định hiện hành. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 18, diện tích 720,8m² tọa lạc tại thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương theo giấy CNQSD đất, QSHNO và tài sản gắn liền với đất số CC235611, sổ vào sổ cấp GCN: CH00028 do UBND huyện N cấp ngày 17/05/2016 mang tên ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Tám H2. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số 4953 ngày 31/05/2016 tại Phòng C tỉnh Hải Dương.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, chị Nguyễn Thị Tám H2 và anh Trần Văn Đ đã vi phạm cam kết thanh toán khoản nợ, anh chị mới trả cho S số tiền 63.235.529đồng (trong đó: gốc: 46.468.430đồng, lãi là 16.767.099đồng). S đã

nhiều lần yêu cầu chị H2 anh Đ trả nợ nhưng chị H2 anh Đ không thực hiện theo yêu cầu của S. Nay S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị Nguyễn Thị Tám H2 và anh Trần Văn Đ phải thanh toán toàn bộ khoản nợ cho S đến ngày 02/7/2024 với tổng số tiền là 547.042.568đồng, trong đó nợ gốc là 253.531.570đồng, lãi 293.510.998đồng trong đó lãi trong hạn là 71.464.112đồng, lãi quá hạn là 222.046.886đồng. Buộc chị Nguyễn Thị Tám H2, anh Trần Văn Đ phải thanh toán cho S số tiền lãi, phí phát sinh theo lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tại Hợp đồng tín dụng số: 609/2016/HĐTD-TDH ngày 31/5/2016 kể từ ngày 02/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu chị Nguyễn Thị Tám H2 và anh Trần Văn Đ không thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ trên và lãi phát sinh thì S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm của khoản vay để xử lý thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ bán, xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho S thì chị Nguyễn Thị Tám H2, anh Trần Văn Đ vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản vay. Chị Nguyễn Thị Tám H2 và anh Trần Văn Đ phải nộp án phí, các chi phí tố tụng theo quy định.

Theo biên bản ghi lời khai bị đơn chị Nguyễn Thị Tám H2 trình bày: Ngày 31/5/2016, vợ chồng chị đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ2 để vay số tiền 300.000.000đồng với mục đích bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 03/6/2016 cho đến ngày 03/6/2021. Để đảm bảo cho khoản vay này, anh chị đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ở thửa số 71, tờ bản đồ số 18, diện tích 720,8m² ở xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương được UBND huyện N cấp ngày 17/5/2016 mang tên vợ chồng anh chị. Sau khi được Ngân hàng giải ngân số tiền vay, anh Đ là người trực tiếp sử dụng khoản tiền này để kinh doanh. Hàng tháng, anh Đ là người trả tiền gốc lãi, thỉnh thoảng có đưa tiền cho chị đi trả. Sau đó, anh Đ đi làm ăn xa, không ở nhà, chị được biết hiện nay anh Đ chưa trả hết số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Chị có thông báo cho anh Đ về việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh chị trả nợ. Quan điểm của anh Đ đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho anh Đ trả nợ dần, nếu không trả thì đề nghị giải quyết theo hợp đồng thế chấp đã ký kết. Hiện nay mảnh đất dùng thế chấp có ngôi nhà cấp 4 và bố đẻ anh Đ là ông Trần Văn Đ1 đang quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Đ1 trình bày: Ông là bố đẻ của anh Trần Văn Đ và là bố chồng của chị Nguyễn Thị Tám H2. Thửa đất

số 71 tờ bản đồ số 18 tại thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương có nguồn gốc của ông. Năm 2016, ông đã làm thủ tục tặng cho anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Tám H2. Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Đ, chị H2. Hiện ông vẫn đang sinh sống trên thửa đất. Anh Đ có xây dựng nhà vườn 3 tầng chưa hoàn thiện. Sau khi ông tặng cho anh Đ chị H2 thì anh chị mới xây dựng nhà. Hiện trạng thửa đất và các ranh giới không có gì thay đổi. Ông có biết việc Ngân hàng S khởi kiện anh Đ chị H2. Ông có trao đổi với anh Đ thì anh Đ có đề nghị Ngân hàng giãn nợ để anh có điều kiện trả nợ dần. Ông Đ1 xác định không có liên quan đến việc anh Đ chị H2 nợ Ngân hàng nên đề nghị Tòa án không triệu tập ông tham gia tố tụng trong vụ án này và Tòa án có triệu tập thì ông cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vì ông đã già rồi.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147 BLTTDS; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 385, Điều 463, Điều 466 BLDS; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy Ban T2 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử: 1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ2- Chi nhánh H3(S1). Buộc anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Tám H2 có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử (02/7/2024) số tiền là 324.995.682đồng, trong đó nợ gốc là 253.531.570đồng, nợ lãi trong hạn là 71.464.112đồng. Kể từ ngày 03/7/2024, anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Tám H2 còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng 609/2016/HĐTD-TDH ngày 31/5/2016. Trường hợp anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Tám H2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, Ngân hàng TMCP Đ2(S) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 18, diện tích 720,4m² do UBND huyện N, tỉnh Hải Dương cấp ngày 17/5/2016 mang tên anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Tám H2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 609/2016/HĐTC ngày 31/5/2016. Trường hợp số tiền thu được từ tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán

khoản nợ, anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Tám H2 vẫn phải tiếp tục trả số nợ gốc và lãi còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ2(S). 2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Đ2 (S) về việc buộc chị H2 anh Đ phải trả số tiền lãi quá hạn là 222.046.886đồng. Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định tại chỗ, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ2 kháng cáo một phần bản án đề nghị xem xét buộc bà H2, ông Đ phải trả cho Ngân hàng toàn bộ khoản tiền lãi quá hạn, tạm tính đến ngày 02/7/2024 là 222.046.886đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo, xác định khoản tiền nợ lãi quá hạn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tính đến ngày xét xử phúc thẩm là 231.387.196đ, trong đó lãi quá hạn là 176.765.026đ, lãi phạt là 54.622.170đ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Buộc anh Đ, chị H2 phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ2 toàn bộ khoản tiền nợ gốc là 253.531.570đồng, nợ lãi trong hạn là 71.464.112đồng, nợ lãi quá hạn là 176.765.026đ. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ2 về khoản tiền lãi phạt = 54.622.170đ. Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đ2 trong thời gian luật định nên kháng cáo hợp lệ.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ2 kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn chị H2, anh Đ phải trả toàn bộ khoản tiền nợ lãi quá hạn, lãi phạt quá hạn tạm tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm là 231.387.196đồng, HĐXX thấy:

2.1. Ngày 31/5/2016 Ngân hàng TMCP Đ2 - Chi nhánh H3 và anh Trần Văn Đ, chị Nguyễn Thị Tám H2 ký kết Hợp đồng tín dụng số 609/2016/HĐTD-TDH ngày 31/5/2016. Theo đó Ngân hàng cho anh Đ, chị H2 vay số tiền 300.000.000đồng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 03/6/2016 đến ngày 03/6/2021; lãi suất vay 8,9%/năm/12 tháng đầu, lãi suất từ tháng thứ 13 trở đi = lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng của sp tiết kiệm lãi cuối kỳ + biên độ 4.6%, kỳ điều chỉnh bằng lãi cho vay vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý khi có sự thay đổi VND kỳ hạn 13 tháng của sp tiết kiệm cuối kỳ + biên độ 4.6%; anh Đ, chị H2 phải trả tiền gốc, lãi vào ngày 03 hàng tháng. Để đảm bảo cho khoản vay hai bên đã ký hợp đồng thế chấp số 4953 ngày 31/5/2016 tại Phòng C tỉnh Hải Dương, anh Đ, chị H2 thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 18, diện tích 720,4m², GCNQSDĐ do UBND huyện N, tỉnh Hải Dương cấp ngày 17/5/2016 mang tên anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Tám H2. Xét chủ thể tham gia ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên tham gia ký kết hoàn toàn tự nguyện, hình thức, nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N, tỉnh Hải Dương. Nên các hợp đồng nêu trên là hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Sau khi ký hợp đồng, ngày 03/6/2016 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 300.000.000đồng cho anh Đ, chị H2, theo Giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng số 609/2016/HĐTD-TDH. Quá trình thực hiện hợp đồng chị H2 anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ2, buộc anh Đ, chị H2 phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc là 253.531.570đồng và lãi trong hạn 71.464.112đồng và quyết định về quyền sử lý tài sản thế chấp là có căn cứ.

2.2. Về khoản tiền lãi quá hạn, lãi phạt quá hạn: Theo Ngân hàng TMCP Đ2 xác định ngoài khoản lãi trong hạn phải trả, anh Đ, chị H2 còn phải trả khoản tiền lãi quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Tính đến ngày xét xử phúc thẩm = 231.387.196đồng, trong đó lãi quá hạn là 176.765.026đồng, lãi phạt quá hạn 54.622.170đồng. Xét thấy:

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng các bên đã thỏa thuận lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng anh Đ, chị H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi và cho đến nay vẫn chưa trả xong nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Đ2. Cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận khoản tiền lãi trong hạn tính từ thời điểm phát sinh hợp đồng (ngày 03/6/2016) cho đến thời điểm kết thúc thời hạn vay (ngày 03/6/2021) mà không xem xét khoản tiền lãi từ sau ngày 03/6/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm là thiếu sót.

Hợp đồng tín dụng được ký kết ngày 31/5/2016 trước thời điểm Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 có hiệu lực pháp luật. Tại Điều 34 Thông tư 39 quy định: “*Đối với các hợp đồng tín dụng ký kết trước ngày Thông tư có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm ký kết hợp đồng*”. Tại hợp đồng tín dụng đã quy định rõ về lãi quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn, thời điểm tính lãi quá hạn. Các thỏa thuận đó phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, Luật các tổ chức tín dụng tại thời điểm giao kết hợp đồng. Mặt khác nguyên đơn cũng đã cung cấp được các tài liệu thể hiện về việc thông báo chuyển nợ quá hạn đối với bị đơn. Cấp sơ thẩm áp dụng quy định Điều 20 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, xác định Ngân hàng không cung cấp được tài liệu thể hiện đã thực hiện việc giao thông báo chuyển nợ quá hạn đến bị đơn nên không chấp nhận toàn bộ khoản tiền lãi quá hạn của nguyên đơn là không đúng quy định, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Trong khoản tiền lãi quá hạn Ngân hàng TMCP Đ2 yêu cầu anh Đ, chị H2 phải trả có khoản lãi phạt quá hạn tính trên tiền lãi quá hạn = 54.622.170đồng. Mặc dù tại hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về khoản tiền phạt trên nợ lãi quá hạn, tuy nhiên thỏa thuận này không hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005. Theo hướng dẫn tại Điều 8, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thì đối với các hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01/01/2017 thì các khoản lãi trong hợp đồng gồm lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi trên nợ gốc quá hạn. Do đó không có căn cứ chấp nhận khoản tiền phạt quá hạn trên nợ lãi quá hạn = 54.622.170đồng như Ngân hàng TMCP Đ2 yêu cầu.

Từ những phân tích trên có đủ căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đ2, sửa bản sán sơ thẩm theo hướng buộc anh Đ, chị H2 phải

trả cho Ngân hàng TMCP Đ2 tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 23/9/2024 = 176.765.026đồng. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ2 về khoản lãi phạt = 54.622.170đồng

[3] Về án phí: Do sửa bản án về khoản tiền lãi anh Đ, chị H2 phải trả nên sửa án phí sơ thẩm theo quy định. Đối với án phí phúc thẩm nguyên đơn được chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không được HĐXX xem xét giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1, Chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đ2; sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh.

2, Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147 BLTTDS; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 385, Điều 463, Điều 466 BLDS; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy Ban T2 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ2 (S).

Buộc anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Tám H2 có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Đ2 (S) tính đến ngày xét xử phúc thẩm (23/9/2024) số tiền là 501.760.708đồng (*Năm trăm linh một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn bảy trăm linh tám đồng*), trong đó nợ gốc là 253.531.570đồng, nợ lãi trong hạn là 71.464.112đồng, nợ lãi quá hạn là 176.765.026đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 23/9/2024, anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Tám H2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán theo

mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng 609/2016/HĐTD-TDH ngày 31/5/2016 và Giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng.

Trường hợp anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Tám H2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ và lãi phát sinh, Ngân hàng TMCP Đ2(S) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 18, diện tích 720,4m², GCNQSDĐ số CC235611 do UBND huyện N, tỉnh Hải Dương cấp ngày 17/5/2016 mang tên anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Tám H2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 609/2016/HĐTC ngày 31/5/2016.

Trường hợp số tiền thu được từ tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ, anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Tám H2 vẫn phải tiếp tục trả số nợ gốc và lãi còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ2(S).

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Đ2(S) về việc buộc anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Tám H2 phải trả số tiền lãi phạt tính đến ngày xét xử phúc thẩm (23/9/2024) = 54.622.170đồng (*Năm mươi tư triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn một trăm bảy mươi đồng*).

2.3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Tám H2 phải chi toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ = 5.000.000đồng. Xác định Ngân hàng TMCP Đ2(S) đã nộp tạm ứng số tiền trên nên anh Đ, chị H2 phải hoàn trả cho Ngân hàng 5.000.000đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

2.4. Về án phí: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Tám H2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 24.070.000đồng (đã làm tròn).

Ngân hàng TMCP Đ2(S) phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000đồng, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 9.349.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002804 ngày 05/11/2021 và số 0004103 ngày 17/7/2024 tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Ngân hàng TMCP Đ2(S) được hoàn trả 6.349.000đồng.

3. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 23/9/2024.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố Chí Linh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đoàn Thị Thu Thúy